TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24-11-2020
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Thống;

Bà Tạ Huyền Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung"theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trương Văn P, sinh năm 1976 (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1973 (xin vắng).

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã H, huyện N, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 10 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trương Văn P trình bày yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Năm 2002, sau thời gian tìm hiểu thì ông và bà T đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hàng Vịnh, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau năm 2004.

Lý do xin ly hôn: Quá trình vợ chồng chung sống, đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi, bà T ghen tuông vô cớ ảnh hưởng đến niềm tin vợ chồng. Vợ chồng còn sống chung

nhưng không ai quan tâm đến ai. Gia đình, thân tộc hai bên cũng tổ chức hàn gắn hôn nhân cho vợ chồng nhưng không kết quả. Nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân tiếp tục duy trì cũng không hạnh phúc nên ông P yêu cầu ly hôn với bà T.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Trương Văn Quý (nam), sinh ngày 03/10/2002 và Trương Văn Trọng (nam), sinh ngày 01/8/2010. Hiện Văn Quý đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Văn Trọng đang sống với gia đình, khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi dưỡng Văn Trọng.

- Về cấp dưỡng, tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bà Huỳnh Thị T có văn bản nộp cho Tòa án trình bày:* Trường hợp ông P cương quyết ly hôn thì bà đồng ý ly hôn vì duy trì cũng không mang lại hạnh phúc. Bà yêu cầu được nuôi Văn Trọng. Bà xin được vắng mặt xét xử.

Tại phiên tòa:

Ông P vẫn bảo lưu quan điểm ly hôn với bà T; con theo ai người đó nuôi; ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bà T có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng

Ông P yêu cầu ly hôn với bà T, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Bà T nộp đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà T.

[2] Về nội dung vụ án

- Về hôn nhân: Năm 2002, ông P và bà T sau thời gian tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức đám cưới gã theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hàng Vịnh, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau vào ngày 07/7/2004, tại Giấy chứng nhận kết hôn số 157, quyển số 01-2004. Vì vậy quan hệ hôn nhân của ông P, bà T được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Ông P yêu cầu ly hôn vì cho rằng vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn từ năm 2018 do bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi do bà T ghen tuông vô cớ, không thể tiếp tục duy trì hôn nhân do không còn tình cảm vợ chồng. Bà T có văn bản trình bày cho Tòa án trường hợp ông P cương quyết ly hôn thì bà đồng ý ly hôn vì duy trì cũng không hạnh phúc, đồng thời bà T có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa ông P và bà T đã đến mức trầm trọng, bởi lẽ vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2018, tuy ông P và bà T sống

chung nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông P cho ly hôn giữa ông P với bà T theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về nuôi con chung: Có 02 người con chung tên Trương Văn Quý (nam), sinh ngày 03/10/2002 và Trương Văn Trọng (nam), sinh ngày 01/8/2010. Hiện Văn Quý đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Văn Trọng đang sống với gia đình, Tòa án đã ghi nhận nguyện vọng của Văn Trọng muốn sống với bà T khi ông P và bà T ly hôn, bà T cũng đề nghị được nuôi Văn Trọng. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con, Hội đồng xét xử quyết định giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng Văn Trọng theo quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng, chia tài sản chung, công nợ: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết,căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự *"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch, nguyên đơn phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 220, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Trương Văn P với bà Huỳnh Thị T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trương Văn Trọng (Nam), sinh ngày 01/8/2010 cho bà Huỳnh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng, tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Ông Trương Văn P chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ th ẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, ông P được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007374 ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huy ện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- UBND xã Hàng Vịnh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Đinh Thị Thùy Linh